**Trường: THPT Mỹ Tho Họ và tên:** Bùi Thị Tú Anh – Nguyễn Thị Yến

**Tổ: Sử - Địa - GDCD**

**BỘ SÁCH CÁNH DIỀU**

**Bài 27**

**ĐỊA LÍ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

**Môn học : Địa lý lớp 10**

(Thời gian thực hiên: 3 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

**+ Năng lực địa lí:**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận…

- Năng lực nhận thức địa lý:

+ Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.

+ Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.

+ Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của các ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông.

- Năng lực tìm hiểu địa lí, giáo viên tạo điều kiện cho học sinh sử dụng các công cụ của địa lí học như: bản đồ giao thông vận tải, bưu chính viễn thông. (bản đồ các luồng hàng hóa đường biển, bản đồ bình quân số lượng ô tô theo đầu người)…Tính được khối lượng luân chuyển; cự li vận chuyển trung bình của các loại hình giao thông vận tải.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về địa lí giải thích về sự có mặt và vai trò của từng ngành giao thông, ngành bưu chính viễn thông ở các địa phương khác nhau.

**+ Năng lực chung:**

*- Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ…

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học.

- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những đất nước, khu vực còn khó khăn về ngành bưu chính, viễn thông, không tiếp cận được với sự phát triển của khoa học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Giáo án, 1 số bản đồ, tranh ảnh, video minh họa cho các loại hình giao thông vận tải, ngành bưu chính, viễn thông.

- Bộ câu hỏi trò chơi

- Giáo án, 1 số bản đồ, tranh ảnh, video minh họa cho

- Phiếu học tập, phiếu trả lời trắc nghiệm.

**2. Học liệu**

- Bút màu.

- SGK, vở ghi

- Giấy note

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (Tình huống xuất phát) -10 phút**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng khởi cho bài học, phát triển năng lực tư duy, giao tiếp, liên hệ thực tế của học sinh

**b. Nội dung:**

- Học sinh tham gia trò chơi lựa chọn các phương tiện vận tải phù hợp với loại hình và không gian địa lí.

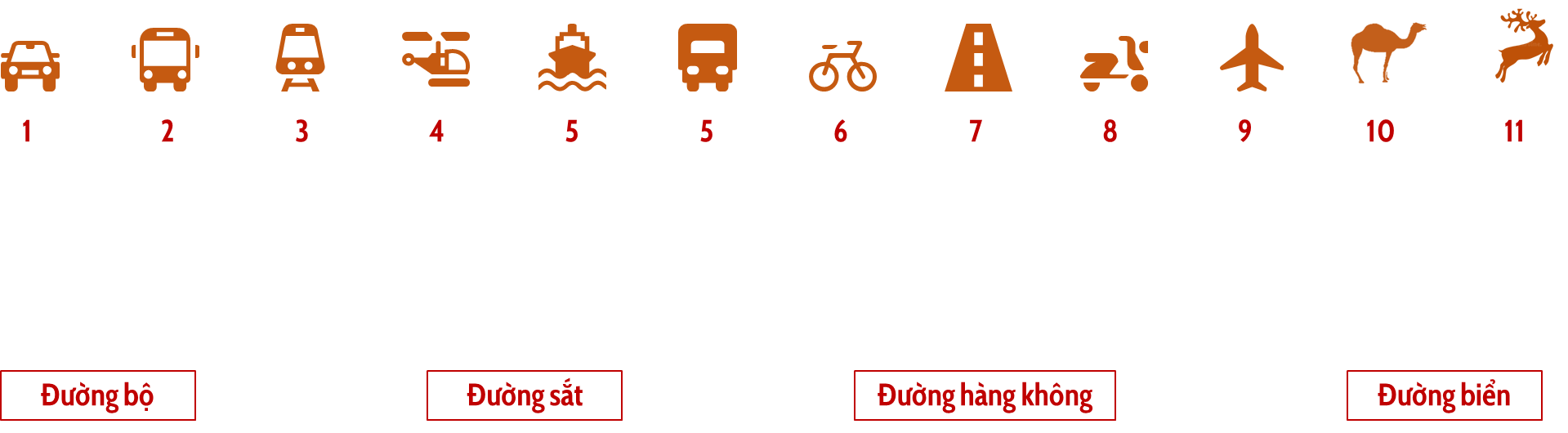
**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh trên giấy note.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Nhiệm vụ 1:GV phát phiếu học tập, học sinh ghép nối các phương tiện vào loại hình thích hợp



+ Nhiệm vụ 2:GV tổ chức cho cả lớp trả lời các câu hỏi:

* *Các phương tiện nào có thể sử dụng được ở vùng hoang mạc?*
* *Các phương tiện nào có thể sử dụng phổ biến ở vùng cực?*
* *Các phương tiện nào có thể sử dụng trong các thành phố?*
* *Ở địa phương em có sử dụng các phương tiện nào?*

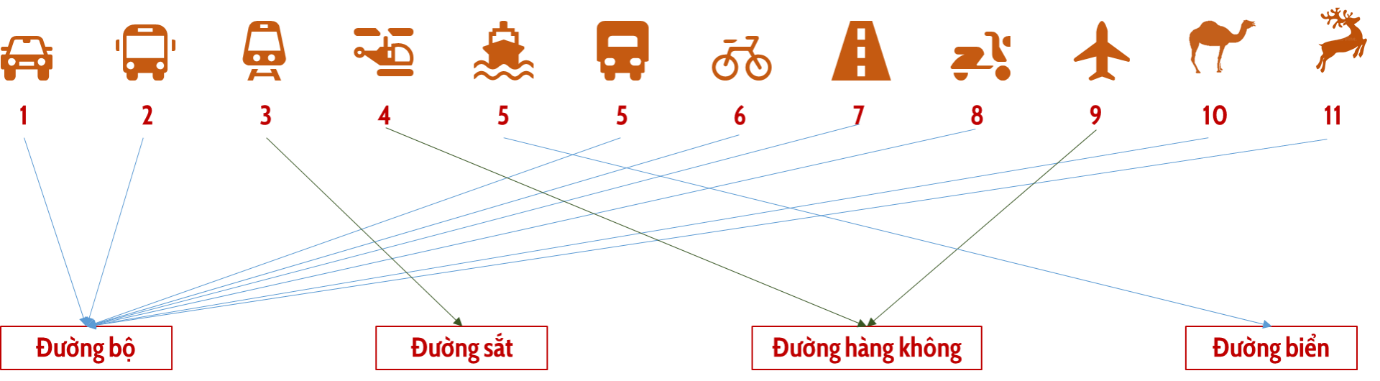
**- Thực hiện nhiệm vụ:** Thực hiện nhiệm vụ được chuyển giao ở nhiệm vụ 1 với hoạt động cặp đôi.

+ Thực hiện nhiệm vụ được chuyển giao ở nhiệm vụ 2 với hoạt động cả lớp.

**– Báo cáo, thảo luận:**  HS xung phong trả lời.

**– Kết luận:** GV tổng kết, ghi điểm cho các học sinh có điểm cao và dẫn dắt vào bài.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN



* *Các phương tiện nào có thể sử dụng được ở vùng hoang mạc: 3, 4, 9, 10*
* *Các phương tiện nào có thể sử dụng phổ biến ở vùng cực: 4, 11*
* *Các phương tiện nào có thể sử dụng trong các thành phố: 1,2,3,6,7,8*
* *Ở địa phương em có sử dụng các phương tiện nào: tùy câu trả lời của HS*

- GV mở rộng và dẫn dắt vào bài mới: Việc vận chuyển người và hàng hóa là sản phẩm của ngành giao thông vận tải, ngày nay còn kết hợp với ngành bưu chính viễn thông để đảm bảo chuyên chở người và hàng hoá, bưu phẩm, bưu kiện, tin tức, thông tin,... từ nơi này sang nơi khác. Đây là hai ngành vô cùng quan trọng đảm bảo kết nối các ngành kinh tế với nhau.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới ( phút)**

**NHIỆM VỤ 1: TÌM HIỂU VAI TRÒ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI (7 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được vai trò của ngành giao thông vận tải.

**b. Nội dung**

- HS được yêu cầu hoạt động theo nhóm: Đọc SGK và tìm ví dụ minh họa cho các vai trò của ngành giao thông vận tải.

**c. Sản phẩm**

- Kết quả làm việc theo nhóm.

- Ví dụ minh họa cho các vai trò của ngành dịch vụ.

- Câu trả lời miệng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cho các nhóm. Đọc SGK và tìm ví dụ minh họa cho các vai trò của ngành giao thông vận tải

* Nhiệm vụ 1: Vai trò của giao thông vận tải đến kinh tế.
* Nhiệm vụ 2: Vai trò của giao thông vận tải đến đời sống nhân dân.
* Nhiệm vụ 3: Vai trò của giao thông vận tải đến giao lưu, hội nhập quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc theo nhóm

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi 1, 2 HS trình bày kết quả

+ Các HS thuộc nhóm khác hỏi, phát vấn, phản biện…

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV chuẩn kiến thức. Mở rộng kiến thức bằng video

+ HS: Lắng nghe, ghi bài.

|  |
| --- |
| 1. **Ngành giao thông vận tải**   **1. Vai trò** |
| **- Kinh tế:** là cầu nối giúp các ngành kinh tế, giúp quá trình sản xuất và tiêu thụ được liên tục, góp phần khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên. 🡪 thúc đẩy hoạt động sản xuất.  **- Đời sống xã hội:** phục vụ nhu cầu đi lại của toàn xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động,...  - Là cầu nối giữa các địa phương, các quốc gia, vùng lãnh thổ, làm cho khoảng cách địa lý được rút ngắn lại 🡪 là phương tiện giúp các nước giao lưu và hội nhập. |

**NHIỆM VỤ 2: TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI (15 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được đặc điểm ngành giao thông vận tải.

- Tính được cự li vận chuyển trung bình từ bài tập 29 phần phụ lục

- Phát triển năng lực tính toán; Năng lực ngôn ngữ, tư duy phản biện...

**b. Nội dung**

- Trình bày được đặc điểm của ngành giao thông vận tải.

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

***Nhiệm vụ 1:*** HS đọc SGK, gạch chân và nêu nhanh về đối tượng, sản phẩm, sự phân bố của ngành giao thông vận tải. Lấy ví dụ về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu của ngành giao thông vận tải là gì và lấy từ ngành nào?

***Nhiệm vụ 2:*** GV cho ví dụ minh họa để học sinh xác định các tiêu chí đánh giá của ngành giao thông vận tải trong phiếu học tập số 1 phần phụ lục.

***Nhiệm vụ 3:*** Làm bài tập 29 phần phụ lục theo hình thức toán chạy, 5 học sinh tính toán nhanh nhất, chính xác nhất sẽ ghi nhận điểm số/ điểm cộng

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
|  | Một xe khách chở 50 người từ thành phố Đà Lạt đi thành phố Hồ Chí Minh, quãng đường dài 309km, em hãy:  a/ Xác định các tiêu chí đánh giá:   * Khối lượng vận chuyển. * Cự ly vận chuyển trung bình.   b/ Tính khối lượng vận chuyển. |

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

***Nhiệm vụ 1:*** HS làm việc cá nhân.

***Nhiệm vụ 2:*** HS làm việc cả lớp theo sự hướng dẫn của GV.

***Nhiệm vụ 3:*** HS làm việc cá nhân.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi 1,2 HS trình bày kết quả

+ 2 HS chấm chéo sản phẩm cho nhau trong nhiệm vụ 2

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| a/ Xác định các tiêu chí đánh giá:   * Khối lượng vận chuyển: 50 (người) * Cự li vận chuyển trung bình: 309 (km)   b/ Tính khối lượng vận chuyển = 50 x 309 = 15450 (số lượt khách.km) |

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV công bố kết quả, ghi nhận điểm cộng cho HS

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.

|  |
| --- |
| 1. **Ngành giao thông vận tải**   **2. Đặc điểm** |
| - Đối tượng phục vụ: con người và các sản phẩm vật chất.  - Sản phẩm: sự chuyên chở người và hàng hoá.  - Sử dụng nhiều nguyên, nhiên, vật liệu từ các ngành kinh tế khác.  - Có sự phân bố đặc thù, theo mạng lưới với các tuyến và đầu mối giao thông.  - Tiêu chí đánh giá khối lượng dịch vụ của giao thông vận tải là:   * Khối lượng vận chuyển (số lượt khách, số tấn hàng hoá); * Khối lượng luân chuyển (số lượt khách.km, số tấn.km); * Cự li vận chuyển trung bình (km). |

**NHIỆM VỤ 3: TÌM HIỂU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI (15 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải và liên hệ đến thực trạng ở Việt Nam

**b. Nội dung**

- Phân tích được và cho ví dụ minh họa các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải

* Học sinh hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS.

- Hoàn thành phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm nhỏ phát phiếu học tập/ trình chiếu lên bảng, HS đọc SGK và đánh dấu X vào các vị trí thích hợp thể hiện ảnh hưởng của các nhân tố đến ngành giao thông vận tải, cho được ví dụ minh họa. (Gv có thể lược bỏ bớt/ cho hoạt động nhóm 2, 3 sao cho phù hợp năng lực học sinh) (phiếu học tập số 2 – phần phụ lục)

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc nhóm

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS bất kì trình bày kết quả hoạt động của nhóm.

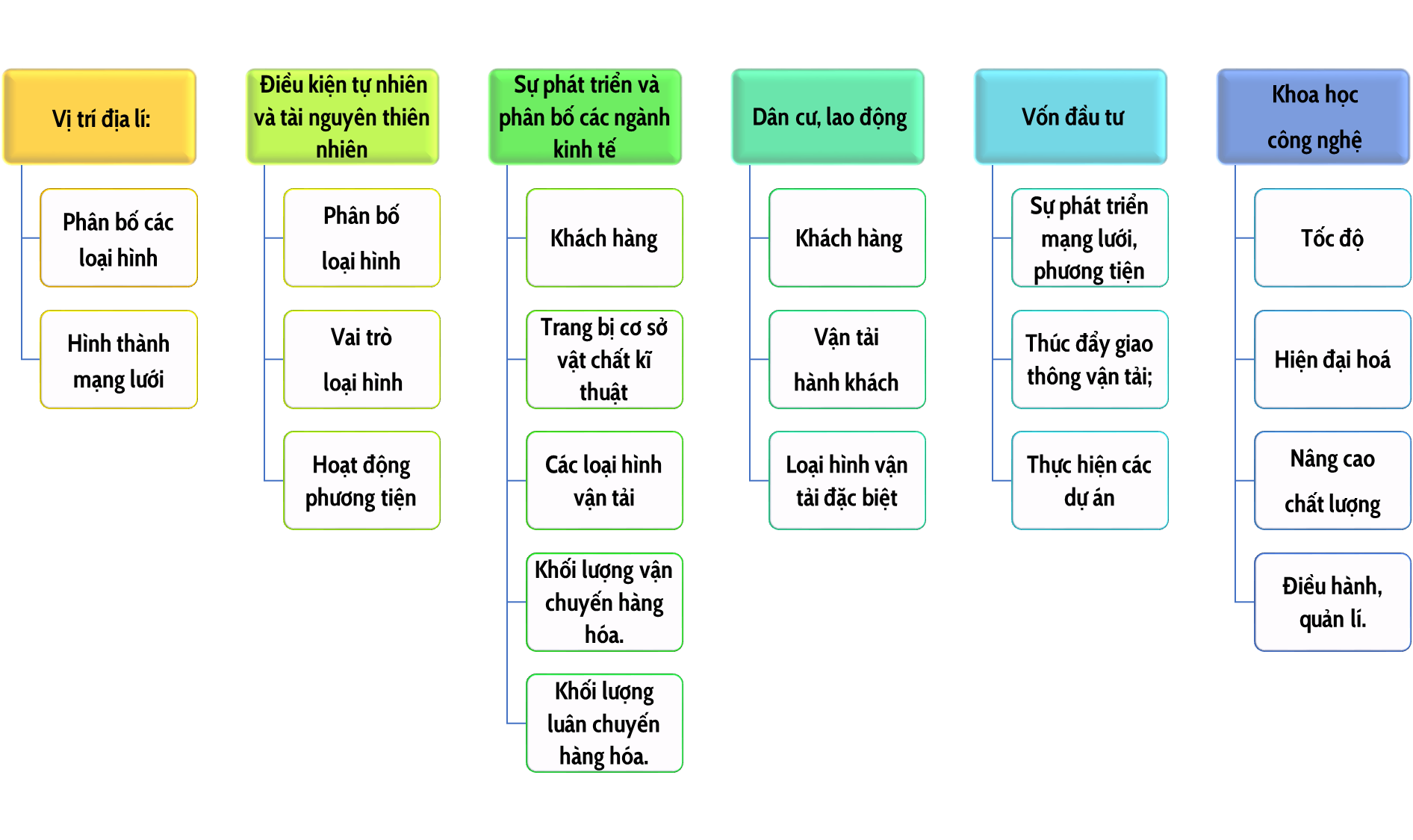
+ Các nhóm khác nhận xét, đóng góp ý kiến và làm rõ các khía cạnh ảnh hưởng của ngành giao thông vận tải.

+ Thảo luận cả lớp: *tại sao Hà Nội/ tp Hồ Chí Minh là đầu mối giao thông quan trọng của Việt Nam?*

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV công bố kết quả, ghi nhận điểm cộng cho HS

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh, tổng kết bằng sơ đồ hóa các nhân tố ảnh hưởng



|  |
| --- |
| 1. **Ngành giao thông vận tải**   **3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố** |
| **- Vị trí địa lí:** Ảnh hưởng đến sự phân bố các loại hình, sự hình thành mạng lưới giao thông vận tải.  **- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:** Ảnh hưởng tới sự phân bố và vai trò của các loại hình giao thông vận tải; sự hoạt động của các phương tiện vận tải.  **- Điều kiện kinh tế - xã hội:**  ***- Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế***   * Là khách hàng của giao thông vận tải, thúc đẩy giao thông vận tải phát triển. * Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành giao thông vận tải. * Quy định các loại hình vận tải, khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa.   ***- Dân cư, lao động***  - Khách hàng của giao thông vận tải.  - Sự phát triển và phân bố các luồng vận tải hành khách, xuất hiện các loại hình vận tải đặc biệt  ***- Vốn đầu tư***   * Sự phát triển mạng lưới, phương tiện thúc đẩy giao thông vận tải; * Thực hiện các dự án giao thông vận tải hiện đại.   ***- Khoa học - công nghệ***   * Tăng tốc độ vận chuyển, hiện đại hoá và nâng cao chất lượng các phương tiện vận tải * Ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý. |

**NHIỆM VỤ 4: TÌM HIỂU TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ (35 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của từng ngành vận tải trên thế giới, xu hướng mới trong sự phát triển và phân bố của từng ngành này.

- Phân tích bản đồ GTVT thế giới. Xác định được trên bản đồ một số tuyến đường giao thông quan trọng, vị trí của một số đầu mối GTVT quốc tế.

**b. Nội dung**

* Học sinh hoạt động theo nhóm, dựa vào nội dung SGK và các hình 34.1🡪 46 thảo luận hoàn thành phiếu học tập.

- Hoạt động nhóm/chuyên gia-mảnh ghép.

**c. Sản phẩm**

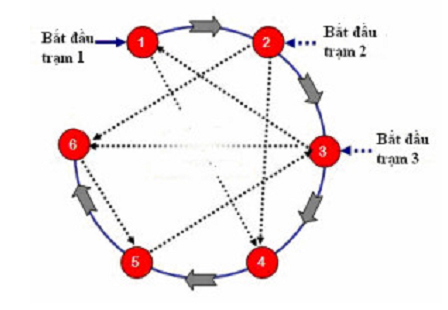
- Phiếu học tập hoàn thiện

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** HS tự thành lập 5 nhóm học tập – tương ứng hoạt động là 5 nhóm CHUYÊN GIA, GV phát PHT, các nhóm thảo luận hoàn thành nội dung phiếu học tập.

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

**+ VÒNG CHUYÊN GIA:** Các nhóm thảo luận hoàn thành PHT trong thời gian 15 phút.

* **Bước 1:** Giáo viên chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm tối thiểu 5 học sinh
* **Bước 2:** Phát giấy A2 cho các nhóm và phát phiếu học tập cho các cá nhân. 5 nhóm tương ứng với 5 loại hình giao thông
* **Bước 3:** Giáo viên đưa ra yêu cầu mỗi nhóm tìm hiểu về tình hình phát triển và phân bố. (học sinh có thể trình bày dưới dạng sơ đồ tư duy/ lập bảng…theo sở trường)
* **Bước 4:** GV yêu cầu học sinh có 1 phút lập kế hoạch phân công nhóm. Học sinh có 3 phút để hoàn thành. Học sinh hoàn thành sản phẩm nhóm.
* **Bước 5:** Sau khi học sinh hoàn thành vòng 1 nhóm chuyên gia, giáo viên yêu cầu học sinh đếm số từ 1 đến 5. Ai có cùng số 1 vào nhóm 1, số 2 vào nhóm 2, số 3 vào nhóm 3 số 4 vào nhóm 4…. Nếu có điều kiện giáo viên chuẩn bị sẵn thẻ gồm 5 màu khác nhau và phát cho các em, những em có cùng màu sẽ về cùng 1 đội cho hoạt động tiếp theo. Hs có 30 giây di chuyển sang nhóm mới.

**+ VÒNG MẢNH GHÉP:** thành viên các nhóm tự đánh số cho cá nhân từ 1 đến 5, nếu dư ra lại xoay vòng về số 1. Sau khi các nhóm hoàn thành đánh số, học sinh sẽ di chuyển, các cá nhân số 1 gom thành 1 cụm, số 2 gom thành 1 cụm,… 🡪 hình thành 5 nhóm mới. Sản phẩm để tại vị trí của nhóm đầu tiên và xoay vòng sản phẩm theo sơ đồ bên trong quá trình thảo luận, báo cáo.

**- Báo cáo, thảo luận:**

* **Bước 1:** Giáo viên kiểm tra thành viên trong nhóm mới đã có đủ chuyên gia chưa và giao nhiệm vụ ở nhóm mới: Mỗi nhóm có 2 phút trình bày nội dung mà nhóm chuyên gia trước đó đã làm. (10 phút)
* **Bước 2:** Học sinh nghe hiệu lệnh hết 2 phút lập tức chuyển trạm. Đến lượt phần của chuyên gia nào thì chuyên gia đó báo cáo.
* **Bước 3:** Khi chuyên gia báo cáo thì các học sinh trong nhóm hoàn thành phiếu học tập của bản thân (vở ghi)
* **Bước 4:** Giáo viên sẽ dùng random hay thẻ tên gọi ngẫu nhiên theo nhóm số và tên học sinh trong nhóm đứng dậy trình bày trước lớp bất kì loại hình giao thông nào. Những học sinh còn lại kiểm tra phiếu học tập của bản thân và rà soát lại những gì mình học được qua hoạt động vừa rồi còn thiếu gì thì bổ sung.
* **Bước 5:** Giáo viên ghi nhận đóng góp và cộng điểm tích lũy cho HS

Giáo viên đưa ra một số câu hỏi phân tích sâu để học sinh có thể giải thích được điều này sau bài học này:

* *Tại sao Đường biển trước đây phát triển mạnh ở hai bên bờ Đại Tây Dương hiện tại lan sang và phát triển mạnh châu Á - Thái Bình Dương*
* *Tại sao ở Châu Âu và đông bắc Hoa Kì có mạng lưới đường sắt dày và mật độ cao.*
* *Liên hệ Việt Nam ở mỗi loại hình*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 3** | | | | |
| **TT** | **Ngành** | **Tình hình phát triển** | **Phân bố** | **Kênh hình** |
| **1** | Đường ô tô |  |  | 34.1; 34.2; 34.3 |
| **2** | Đường sắt |  |  | 34.4; 34.5 |
| **3** | Đường hàng không |  |  | 34.6 |
| **4** | Đường biển |  |  |  |
| **5** | Đường sông, hồ |  |  |  |

**Bước 6.** Trò chơi củng cố, kiểm tra hoạt động của nhóm chuyên gia và mảnh ghép

* GV sử dụng 5 câu hỏi trả lời nhanh
* HS trả lời trên bảng nhóm theo cặp
* Kết thúc câu hỏi, HS giơ nhanh đáp án.
* GV chiếu đáp án, giảng giải nếu có và ghi nhận điểm thi đua cho các nhóm.

**AI NHANH HƠN**

*1. Loại hình vận tải nào ra đời muộn nhưng phát triển mạnh?*

*2. Loại hình giao thông nào tiện lợi, cơ động, dễ kết nỗi với loại hình khác?*

*3. Hệ thống sông nào của Việt Nam có ngành giao thông phát triển mạnh nhất?*

*4. Loại hình giao thông vận tải nào có khối lượng vận tải lớn nhất ?*

*5. Loại hình vận tải nào gây ô nhiễm môi trường biển và đại dương nhất ?*

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV công bố kết quả, ghi nhận điểm cộng cho HS

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.

|  |
| --- |
| 1. **Ngành giao thông vận tải**   **4. Tình hình phát triển và phân bố** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Loại hình** | **Tình hình phát triển** | **Phân bố** | | Đường ô tô | - Tổng chiều dài, số lượng phương tiện không ngừng tăng.  *(có thể bổ sung thêm*  *- Phương tiện được cải tiến🡪 thân thiện với môi trường.*  *- Giao thông thông minh đang được hướng tới.)* | - Đứng đầu về chiều dài đường ô tô là châu Á, tiếp theo là châu Mỹ, châu Âu, châu Phi và châu Đại Dương.  - Các nước có chiều dài đường ô tô lớn năm 2019: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ấn Độ, Bra-xin, Liên bang Nga,... | | Đường sắt | - Không ngừng đổi mới về sức kéo, toa xe, đường ray và công nghệ…  - Tổng chiều dài, tốc độ và sức vận tải đường sắt của thế giới tăng | - Mạng lưới đường sắt phân bố không đồng đều theo châu lục và các quốc gia. Chiều dài đường sắt lớn nhất là châu Mỹ, tiếp theo là châu Á và châu Âu.  - Những nước có chiều dài đường sắt lớn năm 2019 là: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Liên bang Nga, Ấn Độ… | | Đường hàng không | - Các sân bay quốc tế và số lượt hành khách vận chuyển tăng liên tục.  - Máy bay: ngày càng hiện đại hơn, vận chuyển được khối lượng lớn hơn, tốc độ nhanh hơn và an toàn hơn. | - Năm 2019, toàn thế giới có trên 15,0 nghìn sân bay, trong đó tập trung nhiều nhất ở châu Mỹ, châu Âu và châu Á.  - Các tuyến sôi động nhất: xuyên Đại Tây Dương nối châu Âu với Bắc Mĩ và Nam Mỹ, nối Hoa Kỳ với khu vực châu Á - Thái Bình Dương.  - Các nước có nhiều sân bay lớn: Hoa Kỳ, Trung Quốc,... | | Đường biển | - Góp phần mở rộng giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các vùng, các nước, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.  - Chuyên chở hàng hóa nặng (than, kim loại,...), chất lỏng (dầu mỏ và sản phẩm của dầu mỏ),...  - Đảm nhiệm 3/5 khối lượng luân chuyển hàng hóa trên thế giới.  - Đang phát triển mạnh việc chuyên chở bằng tàu container, đảm bảo an toàn hơn và bốc dỡ hàng hóa nhanh hơn, xuất nhập khẩu hàng hóa dễ dàng hơn. | - Các tuyến sôi động nhất: kết nối giữa châu Âu khu vực châu Á - Thái Bình Dương và các tuyến kết nối hai bờ Đại Tây Dương.  - Các cảng có lượng hàng hóa thông qua lớn nhất (năm 2019) đều nằm ở châu Á: Thượng Hải, Xin-ga-po, Ninh Ba- Chu Sơn, Thâm Quyến; Bu-san, Rốt-téc-đam (Hà Lan)… | | Đường sông, hồ | - Xuất hiện từ rất sớm, chủ yếu dựa vào mạng lưới sông, hồ tự nhiên.  - Ngày càng thuận lợi nhờ các hoạt động cải tạo sông, hồ, đào kênh nối liền các lưu vực vận tải với nhau.  - Hướng phát triển: cải tạo cơ sở hạ tầng đường thuỷ, kết nối vận tải đường thuỷ và cảng biên; ứng dụng công nghệ cao,... | - Các quốc gia phát triển mạnh: Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Ca-na-đa…  - Những hệ thống sông, hồ có khả năng giao thông lớn là: sông Đa-nuýp, Rai-nơ, Von-ga,... (châu Âu); sông Mê Kông, Dương Tử,... (châu Á); sông Mi-xi-xi-pi, Ngũ Hồ,... (châu Mỹ). | |

**NHIỆM VỤ 5: TÌM HIỂU LỊCH SỬ NGÀNH BƯU CHÍNH – VIỄN THÔNG (7 PHÚT)**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng khởi cho nội dung bài học về ngành bưu chính, viễn thông, phát triển năng lực tư duy, phân tích được các cách truyền thông tin trong lịch sử

**b. Nội dung:**

- Học sinh tham gia trò chơi sắp xếp các hình ảnh theo thứ tự thích hợp thể hiện được lịch sử của ngành truyền tải thông tin

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh trên giấy note.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV trình chiếu cho học sinh xem trang 5 hình ảnh liên qua đến quá trình phát triển của việc truyền tải thông tin, học sinh sắp xếp theo thứ tự của lịch sử/ sự phát triển/ sự tiến bộ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Semaphore | thông tin liên lạc | Alexander Graham Bell. Ảnh: Wikimedia | https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/1/1c/Frederic_Remington_smoke_signal.jpg/250px-Frederic_Remington_smoke_signal.jpg | https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/3/3d/Postduif.jpg/220px-Postduif.jpg | https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/c/cb/TamTam.jpg/220px-TamTam.jpg |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |

**- Thực hiện nhiệm vụ:** Thực hiện nhiệm vụ được chuyển giao trong quá trình giáo viên trình chiếu hình ảnh.

**– Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, GV kết hợp kết quả và yêu cầu HS sắp xếp được các hình ảnh theo thứ tự

**– Kết luận:** GV tổng kết, dẫn dắt vào bài

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | | | | |
| 3 | 5 | 4 | 1 | 2 | |
| Tín hiệu khói là một trong những hình thức liên lạc đường dài lâu đời nhất. Nó là một hình thức giao tiếp bằng hình ảnh được sử dụng trong một khoảng cách dài. Nói chung, tín hiệu khói được sử dụng để truyền tin tức, báo hiệu nguy hiểm hoặc để tập hợp mọi người đến một khu vực chung. | Được phát triển và sử dụng bởi các nền văn hóa sống trong các khu vực rừng núi , trống được dùng như một hình thức giao tiếp đường dài. Những chiếc trống này được làm từ những khúc gỗ rỗng. Khúc gỗ càng lớn, âm thanh càng lớn và do đó có thể nghe được càng xa. Trong điều kiện lý tưởng, âm thanh có thể được hiểu ở khoảng cách từ 3 đến 7 dặm, những thông điệp thú vị thường được làng bên cạnh tiếp nhận. | Chim bồ câu homing, còn được gọi là chim bồ câu đưa thư có khả năng tìm đường về nhà trong một khoảng cách cực kỳ xa. Chim bồ câu đá có khả năng tìm kiếm bẩm sinh, có nghĩa là nó thường trở về tổ của mình bằng cách sử dụng từ trường. Vì kỹ năng này, chim bồ câu thuần hóa đã được sử dụng để mang thông điệp như chim bồ câu đưa tin. | Semaphore : Là tín hiệu thường được sử dụng trong các ngành hàng hải, địa chất, do một người Pháp tên Chappe phát minh năm 1794. Phương tiện để phát tín hiệu Semaphore là hai lá cờ hình vuông. Vào những năm 1790, các hệ thống semaphore cố định đầu tiên xuất hiện ở Châu Âu . | Các dịch vụ điện thoại thương mại đầu tiên được thiết lập vào năm 1878 và 1879 trên cả hai bờ Đại Tây Dương tại các thành phố New Haven , Connecticut ở Mỹ và London , England ở Anh . Alexander Graham Bell đã nắm giữ bằng sáng chế chính cho chiếc điện thoại cần thiết cho các dịch vụ như vậy ở cả hai quốc gia. Công nghệ điện thoại phát triển nhanh chóng sau khi các dịch vụ thương mại đầu tiên xuất hiện. | |

**NHIỆM VỤ 6: PHÂN BIỆT NGÀNH BƯU CHÍNH – VIỄN THÔNG, ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÀNH BƯU CHÍNH – VIỄN THÔNG (7 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được đặc điểm của ngành bưu chính và viễn thông

**b. Nội dung:**

- Học sinh tham gia trò chơi ghép hình vào vị trí thích hợp, lấy ví dụ minh họa làm rõ đặc điểm của ngành bưu chính, viễn thông

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh trên giấy note, phát biểu.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Nhiệm vụ 1:** GV trình chiếu cho học sinh xem trang 5 hình ảnh liên qua đến ngành bưu chính và viễn thông, học sinh nhận định hình ảnh nào nói về bưu chính, hình ảnh nào nói về viễn thông.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Communication tower with human figures and signals | Geospatial powering 5G and revolutionizing telecom sector | Postal Service Exaggerated Cartoon Character Collection Set 1902440 Vector  Art at Vecteezy |  | Premium Vector | Cartoon mail carrier with bag and letter |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |

**Nhiệm vụ 2:** Hoạt động cặp đôi:Đọc SGK phần đặc điểm, gạch chân ý chính và nêu ví dụ minh họa.

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

**Nhiệm vụ 1:** Cả lớp thực hiện nhiệm vụ được chuyển giao trong quá trình giáo viên trình chiếu hình ảnh.

**Nhiệm vụ 2:** Hoạt động cặp đôi, HS xung phong trả lời.

**– Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, GV kết hợp kết quả và yêu cầu HS phân biệt 2 ngành bưu chính và viễn thông.

**– Kết luận:** GV tổng kết, dẫn dắt vào bài

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | | | | |
| **BƯU CHÍNH** | | | **VIỄN THÔNG** | |
| Premium Vector | Cartoon mail carrier with bag and letter |  | Postal Service Exaggerated Cartoon Character Collection Set 1902440 Vector  Art at Vecteezy | Communication tower with human figures and signals | Geospatial powering 5G and revolutionizing telecom sector | |
| Dịch vụ hoạt động thông tin liên lạc, thực hiện việc nhân, vận chuyển, trao đổi thư tín, bưu kiện, bưu phẩm, chuyển tiền từ người gửi đến người nhận. | | | Là loại hình liên lạc bằng các tuyến truyền tín hiệu qua cáp liên lạc hoặc bằng sóng điện tử (dải sóng vô tuyến điện và các dải sóng quang) giữa các điểm cách xa nhau. | | |

|  |
| --- |
| **II. Ngành bưu chính viễn thông**   1. **Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố của bưu chính viễn thông**   **1a. Đặc điểm ngành bưu chính, viễn thông** |
| - Tạo ra mạng lưới bưu chính và mạng lưới truyền thông tin đến mọi nơi trong nước và các địa điểm cách xa nhau trên Trái Đất, phục vụ nhu cầu sản xuất và xã hội.  - Bưu chính nhận, vận chuyển và chuyển phát bằng các phương thức khác nhau qua mạng bưu chính; viễn thông sử dụng các thiết bị kết hợp với vệ tinh và internet cung ứng dịch vụ từ xa không cần sự tiếp xúc trực tiếp giữa người cung ứng và người tiêu dùng dịch vụ.  - Sử dụng dịch vụ của nhiều ngành, trong đó quan trọng nhất là công nghiệp điện tử - tin học, giao thông vận tải, nghiên cứu và phát triển (R&D), dịch vụ thiết kế,... |

**NHIỆM VỤ 7: TÌM HIỂU VAI TRÒ NGÀNH BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG**

**(8 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được vai trò của ngành bưu chính – viễn thông.

**b. Nội dung**: HS chơi trò chơi tiếp sức/ kĩ thuật XYZ

**c. Sản phẩm**

- Kết quả làm việc cá nhân, trò chơi tiếp sức.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS đọc phần sơ đồ, ghi nhanh ra giấy nháp các từ khóa là động từ (không được quá 3 tiếng) liên quan đến vai trò của ngành bưu chính – viễn thông.

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc theo cá nhân và nhóm (trò chơi)

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV cho các em xung phong thành 2 đội chơi (mỗi đội 5 HS) chơi trò chơi tiếp sức.

+ Một HS sẽ lên bảng và được viết 1 từ khóa/ 1 lượt. Trong 2 phút, nhóm nào được nhiều hơn sẽ chiến thắng.

+ Các HS ở dưới lớp hỏi, phát vấn, phản biện…

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của

+ Mở rộng cho HS: “*Liên minh Bưu chính Thế giới đã xếp hạng các dịch vụ bưu chính của 170 quốc gia, dựa trên bốn thành phần chính: độ tin cậy, phạm vi tiếp cận, mức độ liên quan (đo lường cường độ của nhu cầu về danh mục đầy đủ các dịch vụ bưu chính, số lượng giao dịch quốc tế, số lượng bưu cục…) và khả năng phục hồi (mức độ đa dạng hóa các dòng doanh thu và năng lực đổi mới, cung cấp bưu chính).*

*Dịch vụ bưu chính của Thụy Sĩ đứng đầu, với Nhật Bản ở vị trí thứ 5 và Vương quốc Anh và Hoa Kỳ ở vị trí thứ 7 và 8, Việt Nam đứng thứ 45.”*

Hay *“Dịch vụ “Veiller Sur Mes Parents (watch over my parents)” ở Pháp được thực hiện bởi nhân viên bưu điện. Vào năm 2050, người ta dự đoán rằng hơn một phần tư dân số ở Pháp (20 triệu người) sẽ từ 65 tuổi trở lên, trong đó phụ nữ dự kiến ​​sẽ sống đến 90 và nam giới là 87. Việc chăm sóc cha mẹ sẽ gặp nhiều khó khăn nên dịch vụ Veiller Sur Mes Parents ra đời từ năm 2017, dịch vụ này có giá từ 19,90 euro (22,50 đô la) một tháng và bao gồm một chuyến thăm và báo cáo hàng tuần, một bản tin được cá nhân hóa hàng tháng, ảnh mà nhân viên bưu điện in ra. Ngoài ra còn có một đường dây hỗ trợ giúp 24/24 giờ nhưng có phí mắc hơn”.*

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| Tạo điều kiện, tác động, thay đổi, thúc đẩy, hội nhập, đảm bảo, cung ứng, truyền tải, vận chuyển, đảm bảo, thay đổi , thúc đẩy, giao lưu, nâng cao, … |

|  |
| --- |
| **II. Ngành bưu chính viễn thông**   1. **Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố của bưu chính viễn thông**   **1b. Vai trò** |
| + Được coi là thước đo trình độ phát triển và văn minh của các nước.  + Tạo ra những điều kiện cần thiết cho các hoạt động kinh tế phát triển; tác động đến quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; thay đổi cách thức tổ chức nền kinh tế.  + Góp phần thực hiện giao lưu giữa các vùng lãnh thổ, thúc đẩy quá trình toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế.  + Tác động tích cực đến phát triển xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần và đảm bảo an ninh quốc gia. |

**NHIỆM VỤ 8: TÌM HIỂU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA NGÀNH BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG (10 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của ngành bưu chính viễn thông.

**b. Nội dung**

* Học sinh đọc sách, hoạt động nhóm để hoàn thành phần ghép nối, lấy ví dụ minh họa

**c. Sản phẩm**

- Phiếu học tập hoàn thiện của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** GV phát PHT và yêu cầu HS hoàn thành nội dung phiếu học tập trong thời gian 3 phút (phụ lục 1)

Ghép cột A và cột B cho thích hợp, lấy ví dụ minh họa để minh chứng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÂN TỐ** | https://luathoangphi.vn/wp-content/uploads/2021/11/buu-chinh-vien-thong-thuoc-nganh-nghe-kinh-doanh-nao.jpg | **ẢNH HƯỞNG** |
| 1. Công nghệ 2. Khoa học 3. Mạng lưới quần cư 4. Mức sống dân cư 5. Phân bố dân cư 6. Sự phân bố các ngành kinh tế 7. Trình độ phát triển kinh tế | A. Chất lượng  B. Mật độ phân bố  C. Quy mô  D. Sự phát triển.  E. Tốc độ phát triển. |

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS làm nhóm

+ GV giúp đỡ HS khó khăn

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ Giáo viên gọi nhóm bất kỳ đọc kết quả phần ghép nối theo thứ tự cột nhân tố từ 1 đến 7 và cho ví dụ

+ Các em học sinh ở dưới có thể nhận xét và phản biện.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV đưa ra đáp án chính thức.

+ Giáo viên ghi nhận điểm cộng cho tất cả các nhóm thảo luận hiệu quả, đóng góp tích cực.

|  |  |
| --- | --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | |
| **1: A, D**  **2: A, D**  **3: B**  **4: C, E** | **5: B**  **6: B**  **7: C, E** |

|  |
| --- |
| **II. Ngành bưu chính viễn thông**   1. **Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố của bưu chính viễn thông**   **c. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố** |
| * Là ngành không thể thiếu trong cơ sở hạ tầng của quốc gia. * Trình độ phát triển kinh tế: kinh tế càng phát triển, nhu cầu dịch vụ bưu chính viễn thông ngày càng nhiều, quy mô của ngành ngày càng lớn, tốc độ tăng trưởng nhanh. * Khoa học - công nghệ: tạo ra nhiều cách thức chuyển phát và các dịch vụ bưu chính mới; thay đổi và xuất hiện nhiều thiết bị viễn thông hiện đại với tốc độ cao, các phương tiện và phương thức truyền thông tin tới khắp mọi nơi trên thế giới. * Vốn đầu tư: ảnh hưởng tới việc mở rộng và hiện đại hóa mạng lưới bưu chính viễn thông. * Các nhân tố khác: mức sống dân cư, trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động, cơ sở hạ tầng,... |

**NHIỆM VỤ 4: TÌM HIỂU TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ (8 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của ngành bưu chính viễn thông.

- Phân tích bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu…

Xác định được trên bản đồ một số quốc gia phát triển mạnh về ngành bưu chính viễn thông.

**b. Nội dung**

- HS được yêu cầu lần lượt thực hiện 3 nhiệm vụ liên quan đến phân tích 3 PHT

**c. Sản phẩm**

- Kết quả làm việc theo nhóm, cặp.

- Đáp án viết trên bảng của HS.

- Kết quả chấm chéo.

- Câu trả lời miệng và câu trả lời trên giấy note của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** HS chia lớp thành 6 nhóm học tập và phát phiếu học tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ** | **Nhóm** | **PHIẾU HỌC TẬP (phụ lục)** |
| 1 | Nhóm 1, 4 | Số 3 |
| Nhóm 2, 5 | Số 4 |
| Nhóm 3, 6 | Số 5 |
| 2 | Các nhóm thảo luận: Giải thích các xu thế phát triển của ngành bưu chính:   * *Những ngành dịch vụ mới của bưu chính phát triển gắn với sự phát triển của những ngành kinh tế nào?* * *Tại sao mạng lưới bưu cục mở rộng trên toàn cầu nhưng vẫn chủ yếu tập trung ở các thành phố, các trung tâm công nghiệp.* | |
| 3 | Chứng minh số lượng người sử dụng internet và điện thoại di động ngày càng tăng lên. | |

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tiến hành, hoàn thành PHT theo yêu cầu trong 2 phút.

+ Thảo luận nhiệm vụ 2 trong thời gian 3 phút

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ Sau khi các nhóm tìm hiểu từng PHT xong, GV yêu cầu đại diện các nhóm lên bảng trình bày nội dung cả 2 nhiệm vụ

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV công bố kết quả, ghi nhận điểm cộng cho HS

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.

+ Gv mở rộng cho HS về vai trò của ngành bưu chính hiện nay ngày càng phát huy tác dụng, có ý nghĩa lớn đối với việc kết nối mạng lưới toàn cầu, là một thành phần cơ sở hạ tầng quan trọng, trong năm 2019 có tổng 668.445 bưu cục và 5,26 triệu nhân viên (<https://www.upu.int/UPU/media/upu/publications/postalDevelopmentReport2019En.pdf> )

+ Cho HS xem video về sự gia tăng số người và quốc gia đứng đầu về sử dụng mạng điện thoại di động:

<https://www.youtube.com/watch?v=W61pPk6Gszo>

+ HS: Lắng nghe, ghi bài.

|  |
| --- |
| **II. Ngành bưu chính viễn thông**  **2. Tình hình phát triển và phân bố** |
| - Hoạt động bưu chính ngày càng phát triển, nhiều dịch vụ và cách thức chuyển phát mới đã xuất hiện.  - Hầu như mọi quốc gia và người dân đều sử dụng dịch vụ bưu chính.  - Các dịch vụ viễn thông rất đa dạng và phong phú, diễn ra với tốc độ nhanh, công nghệ ngày càng hiện đại.  - Các dịch vụ viễn thông quan trọng như: dịch vụ điện thoại, dịch vụ truyền số liệu, truyền tin và internet…  - Dịch vụ viễn thông có mặt ở hầu khắp các nước trên thế giới, đóng góp tới 1/5 GDP toàn cầu.  - Các dịch vụ viễn thông quan trọng là: điện thoại, internet…phương tiện quan trọng là máy tính cá nhân đều có số người sử dụng tăng lên liên tục. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)**

**a. Mục tiêu**

- Củng cố kiến thức bài học

## - Hoàn thiện, bổ sung những kiến thức học sinh còn chưa nắm vững

**b. Nội dung**

- Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm củng cố bài học

**c. Sản phẩm**

- Bài làm của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ:** + GV phổ biến thể lệ cuộc thi: mỗi Hs chuẩn bị bảng trả lời A/ B/ C/ D hoặc bảng đen để trả lời câu hỏi, khi Gv đọc xong câu hỏi, các em được suy nghĩ 30 giây, sau đó giơ bảng, nhớ đừng để bạn mình biết câu trả lời nhé, nếu em có đáp án rồi thì hãy úp bảng xuống, bạn nào trả lời được đến câu cuối cùng/ nhiều nhất sẽ dành điểm 10 vào hệ số 1.

**CÂU HỎI TRÒ CHƠI**

**Câu 1.** Ngành kinh tế nào sau đây có vai trò thúc đẩy hoạt động sản xuất, kết nối các ngành kinh tế?

**A.** Giao thông vận tải. **B.** Công nghiệp. **C.** Dịch vụ. **D.** Xây dựng.

**Câu 2.** Ngành kinh tế nào sau đây được coi là thước đo trình độ phát triển và văn minh của các nước?

**A.** Giao thông vận tải. **B.** Công nghiệp.

**C.** Dịch vụ. **D.** Bưu chính viễn thông.

**Câu 3.** Ngành kinh tế nào sau đây có vai trò truyền thông tin đến mọi nơi trong nước và các địa điểm cách xa nhau trên Trái Đất

**A.** Giao thông vận tải. **B.** Công nghiệp.

**C.** Dịch vụ. **D.** Bưu chính viễn thông.

**Câu 4.** Sản phẩm của giao thông vận tải là

**A.** tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi. **B.** sự chuyên chở người và hàng hoá.

**C.** sự an toàn cho hành khách, hàng hoá. **D.** khối lượng vận chuyển, luân chuyển.

**Câu 5.** Chất lượng của dịch vụ giao thông vận tải **không** được đánh giá bằng

**A.** sự an toàn. **B.** khối lượng vận chuyển.

**C.** sự tiện nghi. **D.** tốc độ vận chuyển.

**Câu 6.** Nhân tố nào sau đây làm thay đổi loại hình, chất lượng,... của ngành giao thông vận tải?

**A.** Điều kiện tự nhiên. **B.** Khoa học - công nghệ.

**C.** Tài nguyên thiên nhiên. **D.** Vị trí địa lí.

**Câu 7.** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự hình thành và kết nối các mạng lưới giao thông vận tải?

**A.** Điều kiện tự nhiên. **B.** Phân bố dân cư

**C.** Tài nguyên thiên nhiên. **D.** Vị trí địa lí.

**Câu 8.** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự hình thành các đầu mối và mạng lưới giao thông vận tải?

**A.** Điều kiện tự nhiên. **B.** Kinh tế - xã hội.

**C.** Tài nguyên thiên nhiên. **D.** Vị trí địa lí.

**Câu 9.** Nhân tố nào sau đây quyết định khối lượng vận tải hành khách và hàng hóa?

**A.** Tự nhiên, tài nguyên. **B.** Kinh tế, dân cư.

**C.** Khoa học, công nghệ. **D.** Vị trí, địa hình.

**Câu 10.** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng tốc độ phát triển giao thông vận tải?

**A.** Tài nguyên. **B.** Nguồn vốn. **C.** Khoa học. **D.** Dân cư.

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS động não suy nghĩ và giơ bảng đúng thời điểm, nếu sai ở câu nào thì dừng cuộc chơi tại đó.

**- Báo cáo, thảo luận:** HS chốt lại các nội dung cơ bản của bài học, giáo viên vấn đáp 1 số vấn đề thắc mắc

**- Kết luận, nhận định:** GV nhận xét hoạt động và tổng kết trò chơi, ghi nhận điểm số cho Hs.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (3 phút)**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng kiến thức đã học giải quyết vấn đề thực tiễn

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi vận dụng phân tích sự phát triển của giao thông vận tải ảnh hưởng tới mật độ dân số và nâng cao đời sống nhân dân. Tìm hiểu về ngành xây dựng công trình giao thông. So sánh ưu/ nhược điểm của các loại hình giao thông vận tải.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ**: GV giao cho HS lựa chọn 1 trong các nhiệm vụ.

+ Nhiệm vụ 1: Phân tích sự phát triển của giao thông vận tải ảnh hưởng tới mật độ dân số và nâng cao đời sống nhân dân.

+ Nhiệm vụ 2: <https://www.youtube.com/watch?v=l9G1MH2RwCg>

+ Nhiệm vụ 3: So sánh ưu/ nhược điểm của các loại hình giao thông vận tải

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại hình** | **Ưu điểm** | **Nhược điểm** |
| Đường ô tô |  |  |
| Đường sắt |  |  |
| Đường hàng không |  |  |
| Đường biển |  |  |

+ Nhiệm vụ 4: Em hãy lấy chứng minh sự phát triển của ngành viễn thông đã làm biến mất/ xuất hiện những ngành kinh tế.

+ Nhiệm vụ 5: Nhận định của em về quan điểm: “Sự phát triển mạnh mẽ của ngành viễn thông lại làm con người xa cách nhau hơn”

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu ở nhà.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS xung phong trả lời câu hỏi vào đầu tiết sau.
* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, tổng kết hoạt động.

**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

+ Nhiệm vụ 1: Sự phát triển của giao thông vận tải ảnh hưởng tới

* Mật độ dân số: giao thông phát triển 🡪 dân cư tập trung dọc theo các tuyến đường. Nơi có mạng lưới giao thông phát triển, có điểm nút giao thông🡪 dân cư tập trung đông đúc.
* Nâng cao đời sống nhân dân: giao thông là bộ phận của hạ tầng cơ sở quan trọng, khu vực có giao thông phát triển thì thúc đẩy kinh tế phát triển🡪 thu nhập, đời sống nhân dân được cải thiện.

+ Nhiệm vụ 2: Ngành xây dựng công trình giao thông là ngành đào tạo nên những kỹ sư xây dựng chuyên thiết kế, thi công, quản lý và khai thác các công trình giao thông như cầu, đường bộ, đường cao tốc, đường hầm,... nhằm phục vụ đời sống. Các kỹ sư xây dựng có đóng góp không nhỏ trong quá trình hoàn thiện về cơ sở vật chất, tạo điều kiện để thành phố phát triển lớn mạnh cũng như tạo cơ hội để người dân thuận lợi trong sinh hoạt, phát triển kinh tế. Hiện tại, nhu cầu về nguồn nhân lực kỹ sư xây dựng đang tăng cao đã tạo cơ hội việc làm cho các bạn trẻ yêu thích lĩnh vực xây dựng. Sinh viên được chú trọng đào tạo chuyên sâu về thiết kế và thi công công trình cầu, đường. Ngoài những kiến thức đại cương theo quy định, sinh viên sẽ được học về kiến trúc công trình cầu, đường, hầm,… cả trong đô thị và ngoài đô thị; học cách thiết kế, thi công, quản lý và sửa chữa các công trình cầu, đường. Trong suốt quá trình học tập, sinh viên học chuyên ngành Xây dựng Cầu đường sẽ được tiếp cận với mô hình CDIO (Conceive/Hình thành ý tưởng) - Design/Thiết kế - Implement/Triển khai - Operate/Vận hành) đồng thời được đào tạo sâu các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, tiếp cận thực tế sản xuất trong lĩnh vực xây dựng Công trình Cầu đường nói riêng và ngành Xây dựng Công trình nói chung.

+ Nhiệm vụ 3: So sánh ưu/ nhược điểm của các loại hình giao thông vận tải

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại hình** | **Ưu điểm** | **Nhược điểm** |
| Đường ô tô | Cơ động, thích nghi cao với các điều kiện địa hình, khí hậu, có hiệu quả kinh tế cao trên các cự ly vận chuyển ngắn và trung bình, đáp ứng các yêu cầu vận chuyển đa dạng của khách hàng. | Tốn nhiên liệu vận chuyển, gây nhiều tai nạn, ô nhiễm môi trường, dễ gây tai nạn giao thông đường ô tô. |
| Đường sắt | Vận chuyển được các hàng nặng trên những tuyến đường xa, tốc độ nhanh, ổn định, mức độ an toàn và tiện nghi cao giúp tiết kiệm thời gian. | Không linh hoạt 🡪 chỉ hoạt động trên hệ thống đường ray có sẵn. |
| Đường hàng không | Tốc độ vận chuyển nhanh, thời gian vận chuyển ngắn. | Cước phí vận tải cao, quy trình quản lý khắt khe, vốn đầu tư lớn, vận chuyển hạn chế ở một số mặt hàng và khối lượng. |
| Đường biển | Đảm nhiệm 3/5 khối lượng luân chuyển hàng hóa của thế giới, có thể vận chuyển trên những tuyến đường quốc tế khá dài, thuận lợi trong việc giao lưu kinh tế giữa các khu vực trên thế giới. | gây ô nhiễm biển và đại dương. |

**+ Nhiệm vụ 4:** Em hãy lấy chứng minh sự phát triển của ngành viễn thông đã làm biến mất/ xuất hiện những ngành kinh tế.

**+ Nhiệm vụ 5:** Nhận định của em về quan điểm: “Sự phát triển mạnh mẽ của ngành viễn thông lại làm con người xa cách nhau hơn”

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**V. PHỤ LỤC**

**1/ PHT**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
|  | Một xe khách chở 50 người từ thành phố Đà Lạt đi thành phố Hồ Chí Minh, quãng đường dài 309km, em hãy:  a/ Xác định các tiêu chí đánh giá:   * Khối lượng vận chuyển. * Cự ly vận chuyển trung bình.   b/ Tính khối lượng vận chuyển. |

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| a/ Xác định các tiêu chí đánh giá:   * Khối lượng vận chuyển: 50 (người) * Cự ly vận chuyển trung bình: 309 (km)   b/ Tính khối lượng vận chuyển = 50 x 309 = 15450 (số lượt khách.km) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2- NHÓM 1** | | |
| **Đánh dấu X thể hiện khía cạnh ảnh hưởng của tiêu chí và cho ví dụ minh họa cụ thể** | | |
| **STT** | **Ảnh hưởng** | **Vị trí địa lí** |
| 1 | Khối lượng luân chuyển, vận chuyển |  |
| 2 | Hiện đại hoá |  |
| 3 | Khách hàng của giao thông vận tải |  |
| 4 | Quy định các loại hình vận tải |  |
| 5 | Sự hình thành, phát triển mạng lưới giao thông vận tải. |  |
| 6 | Sự hoạt động của các phương tiện vận tải. |  |
| 7 | Xuất hiện các loại hình vận tải đặc biệt |  |
| 8 | Tăng hiệu quả điều hành, quản lý. |  |
| 9 | Thúc đẩy giao thông vận tải phát triển. |  |
| 10 | Thực hiện các dự án |  |
| 11 | Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2- NHÓM 2** | | |
| **Đánh dấu X thể hiện khía cạnh ảnh hưởng của tiêu chí và cho ví dụ minh họa cụ thể** | | |
| **STT** | **Ảnh hưởng** | **Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên** |
| 1 | Khối lượng luân chuyển, vận chuyển |  |
| 2 | Hiện đại hoá |  |
| 3 | Khách hàng của giao thông vận tải |  |
| 4 | Quy định các loại hình vận tải |  |
| 5 | Sự hình thành, phát triển mạng lưới giao thông vận tải. |  |
| 6 | Sự hoạt động của các phương tiện vận tải. |  |
| 7 | Xuất hiện các loại hình vận tải đặc biệt |  |
| 8 | Tăng hiệu quả điều hành, quản lý. |  |
| 9 | Thúc đẩy giao thông vận tải phát triển. |  |
| 10 | Thực hiện các dự án |  |
| 11 | Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2- NHÓM 3** | | |
| **Đánh dấu X thể hiện khía cạnh ảnh hưởng của tiêu chí và cho ví dụ minh họa cụ thể** | | |
| **STT** | **Ảnh hưởng** | **Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế** |
| 1 | Khối lượng luân chuyển, vận chuyển |  |
| 2 | Hiện đại hoá |  |
| 3 | Khách hàng của giao thông vận tải |  |
| 4 | Quy định các loại hình vận tải |  |
| 5 | Sự hình thành, phát triển mạng lưới giao thông vận tải. |  |
| 6 | Sự hoạt động của các phương tiện vận tải. |  |
| 7 | Xuất hiện các loại hình vận tải đặc biệt |  |
| 8 | Tăng hiệu quả điều hành, quản lý. |  |
| 9 | Thúc đẩy giao thông vận tải phát triển. |  |
| 10 | Thực hiện các dự án |  |
| 11 | Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2- NHÓM 4** | | |
| **Đánh dấu X thể hiện khía cạnh ảnh hưởng của tiêu chí và cho ví dụ minh họa cụ thể** | | |
| **STT** | **Ảnh hưởng** | **Dân cư, lao động** |
| 1 | Khối lượng luân chuyển, vận chuyển |  |
| 2 | Hiện đại hoá |  |
| 3 | Khách hàng của giao thông vận tải |  |
| 4 | Quy định các loại hình vận tải |  |
| 5 | Sự hình thành, phát triển mạng lưới giao thông vận tải. |  |
| 6 | Sự hoạt động của các phương tiện vận tải. |  |
| 7 | Xuất hiện các loại hình vận tải đặc biệt |  |
| 8 | Tăng hiệu quả điều hành, quản lý. |  |
| 9 | Thúc đẩy giao thông vận tải phát triển. |  |
| 10 | Thực hiện các dự án |  |
| 11 | Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2- NHÓM 5** | | |
| **Đánh dấu X thể hiện khía cạnh ảnh hưởng của tiêu chí và cho ví dụ minh họa cụ thể** | | |
| **STT** | **Ảnh hưởng** | **Vốn đầu tư** |
| 1 | Khối lượng luân chuyển, vận chuyển |  |
| 2 | Hiện đại hoá |  |
| 3 | Khách hàng của giao thông vận tải |  |
| 4 | Quy định các loại hình vận tải |  |
| 5 | Sự hình thành, phát triển mạng lưới giao thông vận tải. |  |
| 6 | Sự hoạt động của các phương tiện vận tải. |  |
| 7 | Xuất hiện các loại hình vận tải đặc biệt |  |
| 8 | Tăng hiệu quả điều hành, quản lý. |  |
| 9 | Thúc đẩy giao thông vận tải phát triển. |  |
| 10 | Thực hiện các dự án |  |
| 11 | Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2- NHÓM 6** | | |
| **Đánh dấu X thể hiện khía cạnh ảnh hưởng của tiêu chí và cho ví dụ minh họa cụ thể** | | |
| **STT** | **Ảnh hưởng** | **Khoa học - công nghệ** |
| 1 | Khối lượng luân chuyển, vận chuyển |  |
| 2 | Hiện đại hoá |  |
| 3 | Khách hàng của giao thông vận tải |  |
| 4 | Quy định các loại hình vận tải |  |
| 5 | Sự hình thành, phát triển mạng lưới giao thông vận tải. |  |
| 6 | Sự hoạt động của các phương tiện vận tải. |  |
| 7 | Xuất hiện các loại hình vận tải đặc biệt |  |
| 8 | Tăng hiệu quả điều hành, quản lý. |  |
| 9 | Thúc đẩy giao thông vận tải phát triển. |  |
| 10 | Thực hiện các dự án |  |
| 11 | Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU PHẢN HỒI**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | | | | | | | |
| STT | Ảnh hưởng | **Vị trí địa lí** | **Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên** | KTXH | **Trong đo chia ra** | | | |
| **Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế** | ***Dân cư, lao động*** | ***Vốn đầu tư*** | ***Khoa học - công nghệ*** |
| **1** | Khối lượng luân chuyển, vận chuyển |  |  | X | X | X |  |  |
| **2** | Hiện đại hoá |  |  | X |  |  |  | X |
| **3** | Khách hàng của giao thông vận tải |  |  | X | X | X |  |  |
| **4** | Quy định các loại hình vận tải | X | X | X | X |  |  |  |
| **5** | Sự hình thành, phát triển mạng lưới giao thông vận tải. | X |  | X |  |  | X |  |
| **6** | Sự hoạt động của các phương tiện vận tải. |  | X |  |  |  |  |  |
| **7** | Xuất hiện các loại hình vận tải đặc biệt |  |  | X |  | X |  |  |
| **8** | Tăng hiệu quả điều hành, quản lý. |  |  |  |  |  |  | X |
| **9** | Thúc đẩy giao thông vận tải phát triển. |  |  | X | X |  | X |  |
| **10** | Thực hiện các dự án |  |  | X |  |  | X |  |
| **11** | Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật |  |  |  | X |  |  |  |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3** |
| Nhận xét bảng số liệu về tỉ lệ dân số sử dụng internet của thế giới và Việt Nam giai đoạn 1990-2020  *Đơn vị: %; Nguồn:* *World Development Indicators*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **1990** | **2000** | **2010** | **2020** | | Thế giới | 0,049 | 6,7 | 28,9 | 59,9 | | Việt Nam | 0 | 0,3 | 30,7 | 70,3 | |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4** |
| Nhận xét Hình 35. Bản đồ tỉ lệ số dân sử dụng internet của các nước, năm 2019 (%)  C:\Users\Admin\Downloads\Document 14062022_image7.jpg |
| Những nước có tỉ lệ số dân sử dụng internet trên 90%:  Những nước có tỉ lệ số dân sử dụng internet dưới 50%:  Tỉ lệ số dân sử dụng internet của Việt Nam: |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5** |
| Mười quốc gia có số lượng bưu điện nhiều nhất trên thế giới, năm 2017 |
| Kể tên và chỉ trên bản đồ 10 quốc gia có số lượng bưu điện lớn nhất thế giới. |

|  |
| --- |
| **PHIẾU PHẢN HỒI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3** |
| * Tỉ lệ dân số sử dụng internet của thế giới và Việt Nam giai đoạn 1990-2020 đều tăng lên nhanh chóng * Từ năm 1990 tỉ lệ dân số sử dụng internet còn rất thấp, Việt Nam còn chưa có. * Đến năm 2020 đã đạt tỉ lệ cao thế giới là 59,9%; Việt Nam là 70,3%. * Việt Nam tăng nhanh hơn thế giới. |

|  |
| --- |
| **PHIẾU PHẢN HỒI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4** |
| Những nước có tỉ lệ số dân sử dụng internet trên 90%: Ca na đa, Thụy Điển, Nhật Bản ….  Những nước có tỉ lệ số dân sử dụng internet dưới 50%: Ấn Độ, Ê-ti-ô-pi, Công gô…  Tỉ lệ số dân sử dụng internet của Việt Nam: từ 70-90%. |

|  |
| --- |
| **PHIẾU PHẢN HỒI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5** |
| Kể tên và chỉ trên bản đồ 10 quốc gia có số lượng bưu điện lớn nhất thế giới: Ấn Độ, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Nga, Hoa Kỳ, Đức, Pháp, Nhật Bản, Ca na đa, Iran. |

**2/ Câu hỏi luyện tập**

**Câu 1.** Giao thông vận tải đường sông nước ta hiện nay

**A.** tập trung tại hệ thống sông lớn. **B.** kết nối giữa đất liền và hải đảo.

**C.** phát triển đồng đều ở các vùng. **D.** có khối lượng luân chuyển lớn.

**Câu 2.** Khi lựa chọn loại hình vận tải và thiết kế công trình giao thông vận tải, điều cần chú ý đầu tiên là

**A.** nguồn vốn đầu tư. **B.** điều kiện tự nhiên.

**C.** dân cư. **D.** điều kiện kỹ thuật.

**Câu 3.** Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là

**A.** sự tiện nghi và sự an toàn của hành khách.

**B.** sự chuyên chở người và hàng hóa.

**C.** các loại xe vận chuyển và hàng hóa.

**D.** phương tiện giao thông và tuyến đường.

**Câu 4.** Số hành khách và số tấn hàng hóa được vận chuyển gọi là

**A.** cự ly và khối lượng vận chuyển. **B.** cự ly vận chuyển trung bình.

**C.** khối lượng luân chuyển. **D.** khối lượng vận chuyển.

**Câu 5.** Những khu vực nằm gần các tuyến vận tải lớn, các đầu mối giao thông thường là nơi tập trung

**A.** các ngành sản xuất, dân cư. **B.** các danh lam, di tích lịch sử.

**C.** các khu vực nhiều khoáng sản. **D.** các vùng nông nghiệp chủ chốt.

**Câu 6.** Đâu **không** phải là tiêu chíđể đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải?

**A.** Khối lượng vận chuyển.

**B.** Cự ly vận chuyển trung bình.

**C.** Khối lượng luân chuyển.

**D.** Sự hiện đại của các loại phương tiện.

**Câu 7.** Hậu quả nghiêm trọng nhất do việc bùng nổ sử dụng phương tiện ô tô là

**A.** tai nạn giao thông. **B.** ô nhiễm môi trường.

**C.** cạn kiệt dầu mỏ. **D.** ách tắc giao thông.

**Câu 8.** Chất lượng của sản phẩm dịch vụ giao thông vận tải được đo bằng

**A.** tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi, an toàn cho người và hàng hóa.

**B.** khối lượng luân chuyển nhiều và tốc độ vận chuyển nhanh.

**C.** thời gian vận chuyển ít và khối lượng luân chuyển nhiều.

**D.** tốc độ vận chuyển nhanh và thời gian vận chuyển ngắn.

**Câu 9.** Tiêu chí nào sau đây **không** dùng để đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải?

**A.** Cự ly vận chuyển trung bình. **B.** Khối lượng luân chuyển.

**C.** Cước phí vận chuyển. **D.** Khối lượng vận chuyển.

**Câu 10.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc ở Việt Nam có ảnh hưởng như thế nào đến ngành giao thông tải?

**A.** phát triển giao thông đường biển.

**B.** phát triển giao thông đường sắt.

**C.** phát triển giao thông đường hàng không.

**D.** phát triển giao thông đường thủy.

**Câu 11.** Ở xứ lạnh về mùa đông, loại hình giao thông vận tải nào **không** hoạt động được?

**A.** Đường sông. **B.** Đường hàng không. **C.** Đường sắt. **D.** Đường ô tô.

**Câu 12.** Nhân tố nào sau đây có vai trò quyết định ảnh hưởng đến phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải?

**A.** Kinh tế - xã hội. **B.** Tài nguyên thiên nhiên.

**C.** Điều kiện tự nhiên. **D.** Vị trí địa lý.

**Câu 13.** Để phát triển kinh tế, văn hóa ở miền núi thì ngành nào phải đi trước một bước?

**A.** Thông tin liên lạc. **B.** Nông nghiệp.

**C.** Giao thông vận tải. **D.** Công nghiệp.

**Câu 14.** Ngành vận tải có khối lượng vận chuyển lớn nhất trên thế giới là

**A.** đường hàng không. **B.** đường sắt. **C.** đường ôtô. **D.** đường biển.

**Câu 15.** Ngành giao thông đường biển có khối lượng hàng hóa luân chuyển rất lớn là do

**A.** Cự ly dài. **B.** Khối lượng vận chuyển lớn.

**C.** Tính an toàn cao. **D.** Tính cơ động cao.

**Câu 16.** Vì sao ngành hàng không có khối lượng vận chuyển hàng hóa nhỏ nhất ?

**A.** Tốc độ chậm, thiếu an toàn.

**B.** Cước phí vận tải rất đắt, trọng tải thấp .

**C.** Không cơ động, chi phí đầu tư lớn.

**D.** Chỉ vận chuyển được chất lỏng.

**Câu 17.** Ở Việt Nam tuyến đường ô tô quan trọng nhất có ý nghĩa với cả nước là?

**A.** Tuyến đường xuyên Á. **B.** Đường Hồ Chí Minh.

**C.** Quốc lộ 1. **D.** Tuyến đường Đông – Tây.

**Câu 18.** Trên các tuyến đường biển quốc tế, sản phẩm được chuyên chở nhiều nhất là

**A.** Sản phẩm công nghiệp nặng. **B.** Các loại nông sản.

**C.** Dầu thô và sản phẩm của dầu mỏ. **D.** Các loại hàng tiêu dùng.

**Câu 19.** Khu vực nào sau đây tập trung nhiều cảng biển của thế giới?

**A.** Bờ đôngThái Bình Dương và Đại Tây Dương.

**B.** Đại Tây Dương và bờ tây Thái Bình Dương.

**C.** Bắc Băng Dương và bờ đôngThái Bình Dương

**D.** Ấn Độ Dương và bờ đông Đại Tây Dương.

**Câu 20.** Nhật Bản là một quốc đảo nên loại hình giao thông vận tải nào sau đây thuận lợi phát triển?

**A.** Đường sông. **B.** Đường biển. **C.** Đường ôtô. **D.** Đường sắt.

**Câu 21.** Các cảng biển lớn nhất trên thế giới tập trung nhiều nhất ở

**A.** Bờ đông của Thái Bình Dương và phía nam của Bắc Băng Dương.

**B.** Phía nam Ấn Độ Dương và bờ Tây của Thái Bình Dương.

**C.** Bờ đông của Thái Bình Dương và phía nam của Ấn Độ Dương.

**D.** Phía bắc của Đại Tây Dương và bờ Tây của Thái Bình Dương.

**Câu 22.** Hai ngành vận tải đường hàng không và đường biển hiện nay có chung đặc điểm

**A.** hiện đại. **B.** khối lượng vận chuyển lớn.

**C.** an toàn. **D.** phương tiện lưu thông quốc tế.

**Câu 23.** Loại phương tiện vận tải nào phối hợp tốt với tất cả các loại phương tiện vận tải khác?

**A.** Đường ô tô. **B.** Đường sắt. **C.** Đường hàng không. **D.** Đường thủy.

**Câu 24.** Yếu tố nào sau đây có tác động thúc đẩy đến sự phát triển ngành giao thông đường biển?

**A.** Do sự phát triển của nền kinh tế.

**B.** Nhu cầu về tài nguyên, nguyên liệu để sản xuất.

**C.** Do sự mở rộng buôn bán quốc tế.

**D.** Quan hệ quốc tế được mở rộng.

**Câu 25.** Loại hình giao thông vận tải đường sắt có mật độ cao nhất ở châu Âu và Đông Bắc Hoa Kỳ là do

**A.** gắn liền với phát triển ngành công nghiệp.

**B.** có nền nông nghiệp hàng hóa phát triển.

**C.** nhu cầu vận chuyển hành khách lớn.

**D.** gắn liền với vận chuyển dầu mỏ.

**Câu 26.** Ưu điểm lớn nhất của ngành hàng không là

**A.** tốc độ vận chuyển nhanh nhất.

**B.** an toàn và tiện nghi.

**C.** vận chuyển được khối lượng hàng hóa lớn.

**D.** ít gây ra những vấn đề về môi trường.

**Câu 27.** Điều kiện tự nhiên của vùng đồng bằng sông Cửu Long thuận lợi cho loại hình giao thông vận tải nào sau đây phát triển?

**A.** Đường sông. **B.** Đường biển. **C.** Đường sắt. **D.** Đường ôtô.

**Câu 28:** Cho bảng số liệu về số lượng lượt hành khách vận chuyển bằng đường hàng không của thế giới

SỐ LƯỢNG LƯỢT HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN  
ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG TRÊN THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000-2019

***(Đơn vị: tỷ lượt người)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2000 | 2010 | 2019 |
| Số lượng hành khách | 1,9 | 2,6 | 4,4 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện số lượng lượt hành khách vận chuyển đường hàng không trên thế giới, giai đoạn 2000-2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Kết hợp. **C.** Tròn. **D.** Cột.

**Câu 29:** Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ KHỐI LƯỢNG LUÂN CHUYỂN HÀNG HÓA CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI NƯỚC TA NĂM 2020

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phương tiện vận tải** | **Khối lượng vận chuyển**  *(nghìn tấn)* | **Khối lượng luân chuyển**  *(triệu tấn.km)* | **Cự ly vận chuyển**  **trung bình**  *(km)* |
| Đường sắt | 5216,3 | 3 819 |  |
| Đường ô tô | 1 307 877,1 | 75 163 |  |
| Đường sông | 244 708 | 51 630 |  |
| Đường biển | 69 639 | 152 277 |  |
| Đường hàng không | 272,38 | 528,4 |  |
| ***Tổng số*** | ***1 627 713*** | ***283 417,8*** |  |

*Nguồn: Tổng cục tống kê,* [*www.gso.vn*](http://www.gso.vn)

Tính cự li vận chuyển trung bình (đơn vị: km) của các phương tiện vận tải nước ta năm 2020.

**Câu 30**. Cho BSL:

KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ KHỐI LƯỢNG LUÂN CHUYỂN HÀNG HÓA CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương tiện vận tải** | **Khối lượng vận chuyển**  *(nghìn tấn)* | | **Khối lượng luân chuyển**  *(triệu tấn.km)* | |
| **Năm 2014** | **Năm 2020** | **Năm 2014** | **Năm 2020** |
| Đường sắt | 7 178,9 | 5216,3 | 4 311,5 | 3 819 |
| Đường ô tô | 821 700 | 1 307 877,1 | 48 190 | 75 163 |
| Đường sông | 190 600 | 244 708 | 40 100 | 51 630 |
| Đường biển | 58 900 | 69 639 | 130 016 | 152 277 |
| Đường hàng không | 202 | 272,38 | 534,4 | 528,4 |
| ***Tổng số*** | ***1 078 580,9*** | ***1 627 713*** | ***223 151,1*** | ***283 417,8*** |

*Nguồn: Tổng cục tống kê,* [*www.gso.vn*](http://www.gso.vn)

Căn cứ vào bảng số liệu, trả lời các câu hỏi dưới đây

a/ Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu khối lượng vận chuyển hàng hóa của các loại hình vận tải nước ta năm 2020 là:

**A.** tròn. **B.** cột. **C.** đường. **D.** miền.

b/ Dạng biểu đồ thích hợp nhất so sánh khối lượng luân chuyển hàng hóa của các loại hình vận tải nước ta năm 2020 là:

**A.** tròn. **B.** cột. **C.** đường. **D.** miền.

c/ Vận tải đường ô tô chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu khối lượng vận chuyển hàng hóa nước ta năm 2020 với:

**A.** 80,4%. **B.** 76,7%.

**C.** 1 307 877,1 nghìn tấn. **D.** 75 162,9 triệu tấn.km.

d/ Vận tải đường ô tô chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu khối lượng vận chuyển hàng hóa nước ta và từ năm 2014 đến 2020 tăng lên

**A.** 1,59 lần. **B.** 76,7%. **C.** 4,2%. **D.** 80,4%.

**Câu 31.**Hãy thu thập thông tin tìm hiểu về ngành dịch vụ bưu chính viễn thông ở địa phương em.

\* Ví dụ: Cảng container quốc tế Cái Lân là một trong những cảng biển đầu tiên của Việt Nam được trang bị công nghệ tiên tiến đồng bộ và cung cấp dịch vụ khai thác container hoàn hảo cho các khách hàng vận tải đường biển.

Trong hệ thống cảng khu vực miền Bắc, CICT là cảng nước sâu, có hạ tầng hiện đại, đồng bộ, điều kiện tốt nhất hiện nay. Những năm qua, Cảng đã đóng vai trò quan trọng trong các kế hoạch phát triển kinh tế cảng biển của Quảng Ninh. Để tiếp tục nâng cao tính cạnh tranh, thu hút nguồn hàng, Cảng CICT đã liên tục đổi mới, ứng dụng hiệu quả các giải pháp công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho các chủ tàu khi làm hàng tại cảng.

CICT có tổng chiều dài là 594m được trang bị 6 cẩu giàn. Công suất xếp dỡ container hàng năm dự kiến là 1,000,000 TEUs. Bên cạnh đó, cầu bến 2, 3, 4 cảng Cái Lân có khu vực bãi lưu hàng rộng 14 ha, trang bị loại cẩu mép bến loại Post Panamax với mục tiêu đạt năng suất cao là 30 Cont/giờ. Năng suất bốc xếp hiện tại ở cảng Hải Phòng – một trong những cảng hàng đầu của miềm Bắc là 20 Container/giờ. Do đó, năng suất làm hàng cho tàu tại cảng CICT chắc chắn sẽ cao hơn, làm tăng lợi thế cạnh tranh của cảng bằng việc rút ngắn thời gian quay vòng tàu tại cảng, tiết kiệm chi phí cầu cảng cho các hãng tàu.

So với cảng Hải Phòng, luồng vào cảng có mớn nước sâu hơn 10 mét và khu nước trước bến sâu – 13m của CICT đảm bảo cho tàu trọng tải cỡ lớn với tải trọng 3000 TEU có thể ra vào làm hàng, trong khi đó cảng Hải Phòng chỉ đáp ứng được cho tàu 600 TEU.

**Câu 32. Câu hỏi trả lời nhanh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** |
| 1. Vận chuyển thư từ, bưu phẩm, điện báo, điện tín...là sản phẩm của ngành nào? 2. Vận chuyển tin tức là sản phẩm của ngành nào? 3. Hoạt động bưu chính viễn thông được coi là thước đo điều gì của một đất nước? 4. Hoạt động của bưu chính viễn thông thúc đẩy mạnh mẽ quá trình nào của thế giới hiện nay? 5. Điện thoại cố định (điện thoại bàn) đầu tiên được phát minh năm nào? 6. Nhân tố nào tạo ra nhiều cách thức chuyển phát và các dịch vụ bưu chính mới? 7. Nhân tố nào ảnh hưởng tới việc mở rộng và hiện đại hóa mạng lưới bưu chính viễn thông? 8. Việt Nam kết nối internet vào năm nào? 9. Mạng di động đầu tiên của nước ta ra đời vào năm nào? 10. Trên thế giới internet ra đời vào năm nào? 11. Ngày “Bưu chính thế giới” là ngày bao nhiêu? 12. Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) được thành lập ngày nào? 13. Việt Nam là thành viên của ITU từ năm nào? | * + - 1. Bưu chính       2. Viễn thông       3. Trình độ kinh tế và văn minh       4. Toàn cầu hóa – khu vực hóa       5. 1876       6. Khoa học - công nghệ       7. Vốn đầu tư       8. 1997       9. 1993       10. 1989       11. 9 tháng 10       12. 17/5/1865       13. 1951 |

**3/ Một số hình ảnh**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| 10 quốc gia có mạng lưới đường bộ dài nhất | Những thành phố có mạng lưới đường bộ dài nhất |

**4/ Các tài liệu khác**

1. <https://www.youtube.com/watch?v=aVJcPWgCDHQ>
2. <https://www.mapsofworld.com/answers/economics/cities-highest-transport-accessibility/>
3. <https://www.mapsofworld.com/world-top-ten/countries-with-most-post-office.html>
4. Thị trường viễn thông Việt Nam khi gia nhập TPP | VTC <https://coccoc.com/search?query=vi%E1%BB%85n+th%C3%B4ng&tbm=vid>
5. Tín hiệu khói <https://en-m-wikipedia-org.translate.goog/wiki/Smoke_signal?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=wapp>
6. Những cây cầu dài nhất thế giới <https://www.youtube.com/watch?v=dBJVXI4Ge2k>
7. Lịch sử ngành giao thông vận tải <https://www.youtube.com/watch?v=oQ5hjdr6JhI>
8. Cầu Móng Sến hoàn thành tới 98% khối lượng công việc <https://www.youtube.com/watch?v=gfO1LqpVE0w>
9. Giao Lộ Chồng Nhau Rối như Mê Cung khiến Bác Tài Xế phải đau đầu! <https://www.youtube.com/watch?v=V5--hAsKFXk>
10. Tại Sao Trung Quốc Có Nhiều Đường Sắt Cao Tốc Nhất Thế Giới? <https://www.youtube.com/watch?v=sFWzt4YxUbg>
11. Dự án đường sắt cao tốc bắc nam giấc mơ ăn sáng ở Hà Nội ăn trưa TPHCM <https://www.youtube.com/watch?v=h6D4g9tYcgA>
12. Phóng Sự: Ngành Giao thông vận tải trước những thách thức mới <https://www.youtube.com/watch?v=KnkmF8oj1bs>
13. Lịch sử Thông tin liên lạc <https://www.youtube.com/watch?v=pG5aT7SRsOo>
14. Vietnam Post với định hướng phát triển hạ tầng bưu chính <https://www.youtube.com/watch?v=fV67hvOn15g>
15. Các nước có tỉ lên dân số sử dụng internet cao nhất và thấp nhất thế giới năm 2020

*Đơn vị: %; Nguồn: World Development Indicators*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Quốc gia** | **Tỉ lệ dân số sử dụng internet cao nhất thế giới** | **STT** | **Quốc gia** | **Tỉ lệ dân số sử dụng internet thấp nhất thế giới** |
| 1 | United Arab Emirates | 100 | 1 | South Sudan | 6,5 |
| 2 | Bahrain | 99,7 | 2 | Burundi | 9,4 |
| 3 | Qatar | 99,7 | 3 | Central African Republic | 10,4 |
| 4 | Kuwait | 99,1 | 4 | Chad | 10,4 |
| 5 | Iceland | 99 | 5 | Congo, Dem. Rep. | 13,6 |
| 6 | Luxembourg | 98,8 | 6 | Mozambique | 16,5 |
| 7 | Saudi Arabia | 97,9 | 7 | Sierra Leone | 18 |
| 8 | Norway | 97 | 8 | Afghanistan | 18,4 |
| 9 | Canada | 97 | 9 | Zambia | 19,8 |
| 10 | Denmark | 96,5 | 10 | Uganda | 19,9 |